

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chiêu. Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1995;

ĐKHKTT: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Đội 8, xã H, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Y, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 2, trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N, sinh năm 1957; Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; Cùng địa chỉ: Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn Y ngày 16/3/2015 trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình đến năm 2017 thì gia đình cho vợ chồng ăn riêng, anh chị sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng sống không hợp nhau, anh Y chơi bời tệ nạn xã hội, lơ đãng và sử dụng ma túy. Tháng 8 năm 2020 anh Y bị bắt và bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh hóa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ trước khi anh Y bị bắt (tháng 5 năm 2020) chị đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở xã H, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Y không còn nên chị xin được ly hôn anh Y.

- Theo bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn Y trình bày: Đúng là anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc M vào năm 2015, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị Mai xin ly hôn anh là do anh đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh hóa, cũng do vợ chồng phải xa cách nhau nên tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Mai không còn. Nay chị Mai xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn chị Mai.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 04/9/2018. Hiện tại cháu Đ đang ở với ông Lê Văn N và bà Trần Thị T (bố mẹ đẻ anh Lê Văn Y). Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y xác định không có tài sản chung, không có công sức và không nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N và bà Trần Thị T trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Lê Văn Y, ông bà kết hôn cho anh Y lấy chị Mai vào năm 2015. Sau khi cưới anh Y và chị Mai ăn ở chung với ông, bà một thời gian sau đó ông, bà cho anh chị ăn riêng nên việc mâu thuẫn của anh, chị như thế nào ông, bà không nắm được. Tháng 6 năm 2020 anh Y vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại trại giam Thanh phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh hóa. Nay chị Mai xin ly hôn anh Y thì ông, bà mong muốn anh chị đoàn tụ, còn nếu chị Mai vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh Y, chị Mai có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 02/9/2018. Hiện cháu Đ đang ở cùng ông, bà. Nay anh chị ly hôn việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Trong thời gian anh chị chung sống cùng ông, bà không phát sinh được tài sản gì, không có công sức và không có nợ.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc M giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn,

xin được nuôi con. Anh Y hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh hóa nên anh xin vắng mặt. Ông Lê Văn N và bà Trần Thị T xin được vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M, đồng ý cho chị Mai ly hôn với anh Lê Văn Y.

Giao cháu Lê Hải Đ cho chị Mai trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lê Văn Y.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với anh Lê Văn Y có địa chỉ tại Cụm 7, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, theo qui định thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng qui định, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, tuy nhiên anh Lê Văn Y, ông Lê Văn N và bà Trần Thị T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh Lê Văn Y, ông Lê Văn N, bà Trần Thị T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự tố tụng pháp luật qui định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 16/3/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y chung sống cùng gia đình, đến năm 2017 gia đình cho anh chị ăn ở riêng. Chị Mai cho rằng vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y chơi bời tệ nạn xã hội nên chị đã phải về bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Anh Y cho rằng nguyên nhân chính là do anh phải đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng xa cách, nay chị Mai xin ly hôn anh xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Mai. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai thì Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Mai xin ly hôn anh Y đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Lê Văn Y.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 02/9/2018. Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y đều có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hiện cháu Đ do ông Năm, bà Thanh (bố mẹ anh Y) nuôi. Sau khi anh Y đi chấp hành án chị Mai muốn đón con nhưng gia đình không cho đón. Hiện cháu Đ mới đủ 36 tháng tuổi nên cần được sự quan tâm chăm sóc của chị Mai, hơn nữa anh Y đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa nên không có điều kiện nuôi con, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Đ và trách nhiệm của chị Mai về việc việc nuôi cháu Đ, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị Mai nuôi là phù hợp pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Văn Y. Anh Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, về công sức và về nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, anh Lê Văn Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình và không nợ ai nên không phải xem xét.

[5] Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn anh Lê Văn Y.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Văn Y có 01 con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 02/9/2018. Giao cháu Lê Hải Đ cho chị Nguyễn Thị Ngọc M nuôi cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn Y cho đến khi chị Mai có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lê Văn Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002556 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn N và bà Trần Thị T có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ Xuân.,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết